VFM
VIETFUND MANAGEMENT

*Số :0808/VFM.2018*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

*ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING*

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

*VFM would like to announce the information after exchange trading:*

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/** *Fund name:* ***VFMVN30 ETF***
- Mã ccq/Code: **E1VFVN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* 08/08/2018
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

| STT<br>Order | Mã chứng khoán<br>Securities Symbol | Số lượng<br>Volume | Tỷ lệ % trong danh mục<br>Weighting |
|---|---|---|---|
| 1 | BMP | 120 | 0.43% |
| 2 | CII | 520 | 0.89% |
| 3 | CTD | 120 | 1.21% |
| 4 | CTG | 1,050 | 1.57% |
| 5 | DHG | 130 | 0.86% |
| 6 | DPM | 440 | 0.52% |
| 7 | FPT | 1,390 | 3.79% |
| 8 | GAS | 270 | 1.65% |
| 9 | GMD | 450 | 0.74% |
| 10 | HPG | 3,610 | 8.49% |
| 11 | HSG | 700 | 0.47% |
| 12 | KDC | 350 | 0.77% |
| 13 | MBB | 3,360 | 4.98% |
| 14 | MSN | 1,190 | 6.96% |
| 15 | MWG | 590 | 4.26% |
| 16 | NVL | 900 | 3.65% |
| 17 | PLX | 330 | 1.34% |
| 18 | PNJ | 320 | 1.92% |
| 19 | REE | 480 | 1.03% |
| 20 | ROS | 400 | 1.08% |
| 21 | SAB | 270 | 3.49% |
| 22 | SBT | 770 | 0.81% |
| 23 | SSI | 850 | 1.60% |
| 24 | STB | 4,840 | 3.51% |
| 25 | VCB | 1,020 | 4.08% |
| 26 | VIC | 1,410 | 10.11% |
| 27 | VJC | 770 | 7.36% |
| 28 | VNM | 880 | 8.76% |
| 29 | VPB | 4,110 | 6.99% |
| 30 | VRE | 2,420 | 6.61% |

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,536,834,500

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,537,786,589

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 952,089

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

**Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash**

| Mã chứng khoán<br>Securities symbol | Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)<br>Cash amount is replaced for 1 share (VND) | Đối tượng áp dụng<br>Applied investors | Lý do<br>State the reason |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |

**Các chỉ tiêu khác/Other criteria**

| Chỉ tiêu/*Criteria* | Kỳ này/*This period* **08/08/2018** | Kỳ này/This period **07/08/2018** | Chênh lệch/ *Changes* |
|---|---|---|---|
| Số lô đã phát hành thêm<br>Creation Units were issued | 3 | 0 | 3 |
| Số lô đã mua lại/<br>Creation Units were redeemed | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/<br>Outstanding Shares | 255,100,000 | 254,800,000 | 300,000 |
| Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price | 15,550 | 15,400 | 150 |
| Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: | | | |
| *của quỹ ETF/of the Fund* | 3,918,280,229,924 | 3,929,912,723,328 | -11,632,493,404 |
| *của một lô ETF/per Creation Unit* | 1,537,786,589 | 1,542,351,932 | -4,565,343 |
| *của một chứng chỉ quỹ/per Share* | 15,377.86 | 15,423.51 | -45.65 |
| Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index | 1,022.01 | 1,012.11 | 9.90 |

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/*Fund Management Company VFM*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

**Trần Thanh Tân**

*Tổng Giám đốc/CEO*